

Số: **30/2020/QĐST-DS**

Ngũ Hành Sơn, ngày 05 tháng 8 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 28 tháng 7 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 10/2020/TLST- DS ngày 07 tháng 02 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là hoàn toàn tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP CT

Trụ sở: 108 đường T, phường C, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP CT (theo Văn bản ủy quyền số 921/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 16/11/2018):

1/ Ông Đinh Xuân Nh, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP CT Chi nhánh Ngũ Hành Sơn.

2/ Bà Nguyễn Ngọc Tôn Nữ Thị Thu Tr, chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng TMCP CT Chi nhánh Ngũ Hành Sơn.

3/ Ông Phan Đức H, chức vụ: Cán bộ Phòng tổng hợp.

4/ Bà Trương Quang A, chức vụ: Trưởng phòng Tổng hợp.

Địa chỉ: Ngân hàng TMCP CT Chi nhánh Ngũ Hành Sơn, số 27/1A đường N, phường M, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng N, sinh năm: 1982.

Bà Nguyễn Trang T, sinh năm: 1989.

Cùng địa chỉ: 46 đường H, phường M, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng.

Địa chỉ hiện nay: 125 đường L, phường M, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Trang T (Theo Giấy ủy quyền ngày 21/7/2020): Ông Nguyễn Hoàng N, sinh năm: 1982.

Địa chỉ hiện nay: 125 đường L, phường M, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng.

II/ Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1/Về nghĩa vụ trả nợ và phương thức trả nợ: Ông Nguyễn Hoàng N và bà Nguyễn Trang T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP CT số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phí tính đến hết ngày 27/7/2020 tổng cộng số tiền là: **7.051.719.181đồng** (*Bảy tỷ, không trăm năm mươi một triệu, bảy trăm mười chín ngàn, một trăm tám mươi một đồng*), trong đó: nợ gốc **6.432.406.626đ**, nợ lãi tính đến hết ngày 27/7/2020 là **611.888.121đ**; lãi phạt cộng dồn (lãi quá hạn) là **6.324.710đ**; tiền phí chưa trả là **1.099.724đ**.

****Về nghĩa vụ và phương thức trả nợ cụ thể theo từng Hợp đồng tín dụng mà ông N, bà T đã ký kết với Ngân hàng TMCP CT như sau:***

- Ông Nguyễn Hoàng N và bà Nguyễn Trang T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP CT số tiền nợ gốc và lãi tính đến hết ngày 27/7/2020 theo Hợp đồng Cho vay số 210/2017-HĐCV/NHCT486 ngày 09 tháng 10 năm 2017 là **4.950.475.934đ**, trong đó:

+ Nợ gốc: 4.520.818.000 đồng

+ Nợ lãi vay trong hạn (quy định tại điểm a Mục 2.01 Điều 2 Hợp đồng): 425.124.701 đồng.

+ Lãi vay chậm trả cộng dồn (lãi quá hạn quy định tại điểm b Mục 2.01 Điều 2 Hợp đồng): 4.533.233 đồng.

Phương thức trả nợ: Trả dứt điểm nợ gốc và lãi vào ngày 25/9/2020.

- Ông Nguyễn Hoàng N và bà Nguyễn Trang T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP CT số tiền nợ gốc và lãi tính đến hết ngày 27/7/2020 theo Hợp đồng Cho vay số 225/2017-HĐCV/NHCT486 ngày 17 tháng 10 năm 2017 là **1.983.893.193đ**, trong đó:

+ Nợ gốc: 1.811.759.000 đồng

+ Nợ lãi vay trong hạn (quy định tại điểm a Mục 2.01 Điều 2 Hợp đồng): 170.342.716 đồng

+ Lãi vay chậm trả cộng dồn (lãi quá hạn quy định tại điểm b Mục 2.01 Điều 2 Hợp đồng): 1.791.477 đồng.

Phương thức trả nợ: Trả dứt điểm nợ gốc và lãi vào ngày 25/9/2020.

- Ông Nguyễn Hoàng N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP CT số tiền nợ gốc và lãi tính đến hết ngày 27/7/2020 theo Hợp đồng phát hành thẻ tài chính cá nhân cho ông Nguyễn Hoàng N ngày 23/05/2019 là **117.350.054đ**, trong đó:

+ Nợ gốc: 99.829.626 đồng

+ Nợ lãi vay: 16.420.704 đồng

+ Phí chưa trả: 1.099.724 đồng

Phương thức trả nợ: Ngày 25.8.2020 ông N trả số tiền nợ gốc 30.000.000đ; Ngày 25.9.2020 ông N trả tiếp số tiền nợ gốc, nợ lãi và tiền phí còn lại là 87.350.054đ.

Kể từ ngày 28/7/2020, ông Nguyễn Hoàng N và bà Nguyễn Trang T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng số 210/2017-HĐCV/NHCT486 ngày 09/10/2017; Hợp đồng tín dụng số 225/2017-HĐCV/NHCT486 ngày 17/10/2017; Hợp đồng phát hành thẻ tài chính cá nhân số 012019 ngày 23/05/2019 đã được ký kết giữa Ngân hàng TMCP CT - Chi nhánh Ngũ Hành Sơn với ông Nguyễn Hoàng N và bà Nguyễn Trang T cho đến khi ông N, bà T thanh toán xong các khoản nợ gốc, nợ lãi và phí cho Ngân hàng.

Nếu ông Nguyễn Hoàng N và bà Nguyễn Trang T vi phạm bất kỳ một đợt trả nợ nào theo thỏa thuận nêu trên thì Ngân hàng TMCP CT có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án toàn bộ số tiền nợ chưa thanh toán.

2/ Về xử lý tài sản thế chấp: Trong trường hợp ông N, bà T không thanh toán được khoản nợ cho Ngân hàng TMCP CT thì tài sản thế chấp (theo Hợp đồng thế chấp số 2102017/HĐTC ngày 09/10/2017) là toàn bộ đất và tài sản gắn liền trên đất thuộc các thửa đất số 92 và 96 tờ bản đồ số 49 tại địa chỉ: Lô số 270, 271 (nhà số 14 và số 16) đường A, phường M, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 750075 do UBND quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng cấp ngày 01/3/2012 và số BO 663687 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường TP Đà Nẵng cấp ngày 18/10/2013 cho ông Nguyễn Quý Th và bà Phan Thị Thanh H được chỉnh lý sang tên cho ông Nguyễn Hoàng N và bà Nguyễn Trang T ngày 21/10/2016 (và ngày 11/4/2017 đã được chỉnh lý biến động bà Nguyễn Trang T tặng cho ông Nguyễn Hoàng N) sẽ được xử lý theo quy định tại Điều 299, điều 303 Bộ luật dân sự năm 2015 để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

3/ Về án phí sơ thẩm:

- Án phí dân sự sơ thẩm (đã giảm 50%) ông Nguyễn Hoàng N phải chịu trên số tiền phải trả 117.350.054đ của Hợp đồng phát hành thẻ tài chính cá nhân cho ông Nguyễn Hoàng N ngày 23/05/2019 là: **2.933.751đ** (Hai triệu, chín trăm ba mươi ba ngàn, bảy trăm năm mươi một đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm (đã giảm 50%) ông Nguyễn Hoàng N và bà Nguyễn Trang T cùng phải chịu trên số tiền phải trả 6.934.369.127đ (4.950.475.934đ + 1.983.893.193đ) của Hợp đồng Cho vay số 210/2017-HĐCV/NHCT486 ngày 09 tháng 10 năm 2017 và Hợp đồng Cho vay số 225/2017-HĐCV/NHCT486 ngày 17

tháng 10 năm 2017 là: **57.467.184đ** (Năm mươi bảy triệu, bốn trăm sáu mươi bảy ngàn, một trăm tám mươi tư đồng).

Tổng cộng số tiền án phí dân sự sơ thẩm ông Nguyễn Hoàng N phải chịu là **31.667.343đ**; bà Nguyễn Trang T phải chịu là **28.733.592đ**.

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP CT số tiền tạm ứng án phí **57.335.787đ** (Năm mươi bảy triệu, ba trăm ba mươi lăm ngàn, bảy trăm tám mươi bảy đồng) Ngân hàng đã nộp theo Biên lai thu số 0009804 ngày 06/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng.

4/ Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

- Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ **3.000.000đ** (đã nộp, đã chi) ông Nguyễn Hoàng N và bà Nguyễn Trang T tự nguyện chịu. Do Ngân hàng TMCP CT đã nộp tạm ứng số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nên ông N, bà T có trách nhiệm hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP CT số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

III/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV/ Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận NHS;
- Chi cục THADS quận NHS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

NGUYỄN THỊ THANH NGÀ